

Số: 329/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 2471/2029/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 3, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ 3, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đặng Thị H và Ông Nguyễn Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H và Ông Nguyễn Văn P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Đặng Thị H và Ông Nguyễn Văn P có 03 con chung cháu Nguyễn Hoàng Được, sinh ngày 11/10/1999, cháu Nguyễn Tiến Dương, sinh ngày 13/11/2005, cháu Nguyễn Tiến Lộc, sinh ngày 14/6/2010. Ly hôn, bà H và ông P thống nhất thoả thuận giao cháu Dương và cháu Lộc cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đ/1 cháu. Đối với cháu Được đã trưởng thành, có khả năng lao động, ông P và bà H không yêu cầu giải quyết

Bà H không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị H tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001463 ngày 12/12/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

Phan Thị Thu Thương